

Số: 25 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1787/TTr-SNV ngày 21 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã.



b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo loại đơn vị hành chính

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí như sau:

- a) Cấp xã loại 1: Tối đa 23 người.
- b) Cấp xã loại 2: Tối đa 21 người.
- c) Cấp xã loại 3: Tối đa 19 người.

2. Đối với xã, thị trấn được bố trí Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này giảm 01 người.

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

4. Về chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP); việc bố trí Thường trực Đảng ủy được thực hiện đối với những nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng và hưởng chế độ chính sách theo quy định tại khoản 11, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); các chức danh công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) được bố trí 02 người để đảm bảo có công chức chuyên trách theo dõi về Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; chức danh Văn hóa - Xã hội được bố trí 02 người để đảm bảo có công chức theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Việc xếp lương, nâng lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên; bố trí kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh; giải quyết chế độ, chính sách đối với trường hợp dôi dư

Địa phương rà soát, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Thông tư số 13/2019/TT-

BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2020.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện việc bố trí số lượng và chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo rà soát bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã trong định suất quy định; hoàn thành việc sắp xếp cán bộ, công chức đảm bảo đúng số lượng theo quy định trước ngày 30 tháng 6 năm 2020.

b) Căn cứ số lượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí chức danh công chức; đồng thời, thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

c) Tổng hợp danh sách báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các trường hợp điều chuyển công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm sắp xếp, đề xuất bố trí các chức danh công chức phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo lộ trình, đủ số lượng theo quy định; thực hiện đảm bảo các chế độ chính sách có liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại quy định này.

4. Sở Tài chính: Hướng dẫn lập dự toán ngân sách hàng năm, bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Hướng dẫn, kiểm tra Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo đảm kinh phí chi trả chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công chức cấp xã.



Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;- Sở Nội vụ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX (03).(50).

E/Hài-VX/6.2020.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng